TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số:05/2018/DS-ST Ngày: 21-3-2018 V/v tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Trung;

Ông Nguyễn Thanh Tâm.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Phương Thảo, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự tham gia phiên tòa***: Bà Lê Thị Kim Chi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Hồng Ngự, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2018/QĐST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Phạm Văn A, sinh năm 1967; Cư trú tại: ấp An Lợi, xã An Bình A, thị xã Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Bé B, sinh năm 1966; Cư trú tại: ấp An Lợi, xã An Bình A, thị xã Hồng Ngự, Đồng Tháp.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 13/12/2017 nguyên đơn ông Phạm Văn A trình bày: Cách đây khoảng 10 năm ông có cho ông Nguyễn Văn Bé B mượn số tiền 36.000.000đ, để ông Bé B chơi đá gà, khi cho mượn hai bên không có làm giấy tờ, không có thỏa thuận lãi suất, nhưng có ông Nguyễn Thanh C và ông Nguyễn Văn D ngụ cùng ấp An Lợi biết. Ông đã nhiều lần đòi nợ nhưng ông Bé B không trả, vào tháng 6/2017 ông có khiếu nại tại Ban nhân dân ấp An Lợi để đòi số tiền 36.000.000đ nhưng ông Bé B chỉ thừa nhận có nợ ông số tiền

6.000.000đ, ông không đồng ý nên mới khởi kiện tại Tòa án. Đến khoảng tháng 8/2017 ông Bé B có trả cho ông được 1.000.000đ, ông thừa nhận có nhận 1.000.000đ của ông Bé B (do ông D nhận dùm rồi giao lại cho ông). Hiện ông Bé B còn nợ lại ông số tiền 35.000.000đ, số tiền này là số tiền ông cho ông Bé B mượn chứ không phải cho vay. Nay ông yêu cầu ông Nguyễn Văn Bé B trả lại cho ông số tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Ngoài các chứng cứ ông đã cung cấp cho Tòa án xong ông không còn chứng cứ nào khác chứng minh ông Nguyễn Văn Bé B còn nợ ông số tiền 35.000.000đ.

- Theo văn bản trình bày ý kiến ngày 09/01/2018 của bị đơn ông Nguyễn Văn Bé B trình bày: Ông thừa nhận có mượn tiền của ông A nhiều lần để đá gà, mượn rồi trả dứt nhiều lần. Khoảng 08 năm trước ông có đi chơi đá gà cùng ông A, ông có hỏi mượn của ông A số tiền 6.000.000đ, khi mượn không có làm biên nhận, không thỏa thuận lãi suất, không có ai chứng kiến. Ông có biết ông Nguyễn Thanh C và ông Nguyễn Văn D vì là người ngụ cùng ấp An Lợi, chứ ông C và ông D không phải là người làm chứng trong việc ông mượn tiền của ông A, ông D và ông C là bạn chơi thân với ông A, ông D và ông C không biết việc ông mượn tiền của ông A. Vào khoảng tháng 6/2017 tại Ban nhân dân ấp An Lợi có hòa giải do ông A khiếu nại đòi tiền ông, ông thừa nhận chỉ có nợ ông A số tiền 6.000.000đ, đến khoảng tháng 8/2017 ông có trả cho ông A được 1.000.000đ, ông giao 1.000.000đ cho ông D để ông D trả lại cho ông A. Nay ông thừa nhận chỉ còn nợ lại ông A số tiền 5.000.000đ và tự nguyện thống nhất trả cho ông A số tiền 5.000.000đ. Riêng số tiền 35.000.000đ ông A đòi lại thì ông không đồng ý trả, nếu ông A có giấy tờ, chứng cứ gì có chữ ký của ông chứng minh ông có nợ ông A số tiền 35.000.000đ thì ông đồng ý trả cho ông A số tiền 35.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Xét yêu cầu của ông Phạm Văn Avề việc yêu cầu ông Nguyễn Văn Bé B trả lại cho ông số tiền mượn 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử xét thấy: Ông A cho rằng ông cho ông Bé B mượn số tiền 36.000.000đ cách đây 10 năm, khi cho mượn không làm giấy tờ, không ai chứng kiến, nhưng có ông C và ông D biết. Ông Bé B không thừa nhận có mượn của ông A số tiền nào 36.000.000đ mà ông chỉ thừa nhận có mượn 6.000.000đ cách đây 8 năm, ông đã trả 1.000.000đ, còn thiếu lại 5.000.000đ. Chứng cứ ông A đưa ra là có ông C và ông D biết, nhưng theo trình bày của ông C và ông D thì hai ông là bạn thân của ông A và ông Bé B, khi uống cà phê chung với ông A thì hai ông nghe ông A nói ông Bé B có thiếu tiền chứ không

biết cho mượn số tiền bao nhiêu và hai ông cũng không chứng kiến việc ông A cho ông Bé B mượn tiền và cũng không chứng kiến việc ông A giao tiền cho ông Bé B. Mặt khác, ông A khẳng định ngoài ông C và ông D biết thì ông không còn chứng cứ nào khác chứng minh ông Bé B có mượn của ông 36.000.000đ. Ông A có văn bản tường trình nội dung chỉ khởi kiện ông Bé B chứ không khởi kiện yêu cầu vợ ông Bé B cùng trả, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[3] Ông Bé B thừa nhận có mượn của ông A 6.000.000đ, ông gởi trả 1.000.000đ, còn lại 5.000.000đ, ông đồng ý tự nguyện trả cho ông A số tiền 5.000.000đ. Ông A thừa nhận có nhận 1.000.000đ do ông Bé B gởi trả. Ông Bé B đồng ý trả 5.000.000đ cho ông A là tự nguyện, không trái pháp luật nên chấp nhận. Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn A.

[4] Về án phí và chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần không được chấp nhận. Bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn A. Buộc Ông Nguyễn Văn Bé B có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn A số tiền còn thiếu là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hồng Ngự là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 147, Điều 271,Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn A.

2. Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn Bé B. Ông Nguyễn Văn Bé B có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn A số tiền còn thiếu là 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí:

+ Ông Phạm Văn A phải nộp 1.550.000đ (Một triệu năm trăm năm chục ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 875.000đ theo biên lai số 02461 ngày 22/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hồng Ngự. Ông Phạm Văn A còn phải nộp thêm 675.000đ (Sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

+ Ông Nguyễn Văn Bé B phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND thị xã Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Tâm